TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/DS-ST
Ngày: 21/02/2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Việt Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giữ và ông Lê Cao Trí

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 229/2023/TLST–DS, ngày 14 tháng 11 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: số B, tổ G, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phước L, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: số C, tổ H, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**.Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Kim T trình bày và có ý kiến như sau:*

Nguyên trước đây vào năm 2019, bà Huỳnh Kim T là chủ hụi của 03 dây hụi 10 ngày: dây hụi 300.000 đồng/phần/10ngày và hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 150.000đồng; dây hụi 500.000đồng/phần/10ngày và hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 250.000đồng; dây hụi 1.000.000đồng/phần/10 ngày và hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 500.000 đồng, gồm:

Dây hụi 01: Hụi 300.000đồng/phần/10 ngày, gồm 48 phần, khui vào ngày 22/11/2019âl, bà Nguyễn Thị Phước L là hụi viên tham gia 01 phần. Sau đó bà L đã hốt hụi và chầu hụi chết, còn nợ tiền hụi chết chưa chầu 15 lần thành tiền 4.500.000 đồng.

Dây hụi 02: Hụi 500.000 đồng/phần/10 ngày gồm 48 phần, khui vào ngày 17/10/2019âl, bà Nguyễn Thị Phước L là hụi viên tham gia 01 phần. Sau đó bà L đã hốt hụi và chầu hụi chết, còn nợ tiền hụi chết chưa chầu 12 lần thành tiền 6.000.000 đồng.

Dây hụi 03: Hụi 1.000.000đồng/phần/10 ngày gồm 40 phần, khui vào ngày 05/11/2019âl, bà Nguyễn Thị Phước L là hụi viên tham gia 01 phần. Sau đó bà lợi hốt hụi và chầu hụi chết, còn nợ tiền hụi chết chưa chầu là 6 lần thành tiền 6.000.000 đồng.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị Phước L còn nợ tiền hụi chưa đóng 16.500.000 đồng.

Sau đó, giữa bà Huỳnh Kim T và bà Nguyễn Thị Phước L có tính sổ lại với nhau, bà L có viết giấy nợ ngày 15/9/2020âl, thể hiện có nợ Huỳnh Kim T số tiền 16.500.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 30/6/2021âl trả mỗi tháng 500.000 đồng. Từ khi viết giấy nợ trên, bà L chỉ trả cho bà T được 300.000 đồng vào năm 2021 nên số tiền nợ còn lại 16.200.000 đồng, bà L ngưng trả cho bà T từ đó cho đến nay.

Bà Huỳnh Kim T nhiều lần đến nhà bà Nguyễn Thị Phước L đòi tiền nhưng bà Nguyễn Thị Phước L chỉ hứa hẹn trả nhưng không thực hiện việc trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Kim T.

Nay bà Huỳnh Kim T yêu cầu bà Nguyễn Thị Phước L phải trả cho số tiền 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) và tính lãi suất 20%/năm tiền từ ngày 30/6/2021âl cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên toà, bà Huỳnh Kim T yêu cầu bà Nguyễn Thị Phước L phải chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) và chỉ yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 30/6/2021âl nhằm ngày dương lịch là ngày 8/8/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Phước L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo đối chất nhưng bà Nguyễn Thị Phước L không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án và không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đối chất.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh trụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Phú nhận định:

[2] *Về tố tụng*: Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn bà Nguyễn Thị Phước L nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Phước L không đến Tòa, vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Phước L.

[3]*Về nội dung*:

[3.1] Giữa bà Huỳnh Kim T với bà Nguyễn Thị Phước L thống nhất bà T là chủ hụi còn bà L là hụi viên, bà L tham gia 03 dây hụi, mỗi dây hụi tham gia 01 phần, của dây hụi 300.000đồng/10 ngày, dây hụi 500.000đồng/10 ngày và dây hụi 1.000.000đồng/10 ngày, được nguyên đơn và bị đơn xác lập trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[3.2] Giữa bà Huỳnh Kim T và bà Nguyễn Thị Phước L có chốt số tiền nợ hụi còn lại theo giấy nợ ngày 15/9/2020âl, thể hiện bà L có nợ bà T số tiền 16.500.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 30/6/2021âl trả mỗi tháng 500.000 đồng. Bà L chỉ trả cho bà T được số tiền 300.000 đồng vào năm 2021, thì ngưng trả cho đến nay, nên số tiền hụi bà L còn nợ bà T là 16.200.000 đồng. Mặt khác, theo biên bản hoà giải v/v tiền hụi do Văn phòng ấp M, xã M lập ngày 11/5/2022 bà L thừa nhận còn nợ bà T số tiền 16.200.000 đồng nhưng bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T. Do bà Nguyễn Thị Phước L cố tình vắng mặt và từ bỏ quyền của bà nên Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để buộc bà Nguyễn Thị Phước L phải chịu trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của bà Huỳnh Kim T là có căn cứ tại Điều 440, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường.

[3.3] Xem xét việc bà Huỳnh Kim T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Phước L phải trả lãi trên số tiền 16.200.000 đồng với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 30/6/2021 âm lịch nhằm ngày dương lịch là ngày 8/8/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30/6/2021 âm lịch nhằm ngày dương lịch là ngày 8/8/2021cho đến khi giải quyết xong vụ án. Xét thấy, việc bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà T là nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định "mức lãi suất do chậm trả tiền chỉ được áp dụng theo mức lãi suất thoả thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật này, nếu không có thoả thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này và khoản 2 Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường. Như vậy, thời gian tính lãi được xác định từ ngày 8/8/2021, với mức lãi suất 10%/01năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và và khoản 2 Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường, cụ thể:

Số tiền lãi được tính từ ngày 8/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/02/2024), như sau: 16.200.000 đồng x 10%/01năm x 30 tháng 13 ngày = 4.108.500 đồng.

Như vậy, bà Nguyễn Thị Phước L phải chịu trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Kim T số tiền vốn 16.200.000 đồng, tiền lãi 4.108.500 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 20.308.500 đồng đồng (hai mươi triệu, ba trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng).

[4] *Về án phí:*

+ Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Phước L phải chịu 1.015.425 đồng làm tròn số 1.015.000 đồng (một triệu không trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 440, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim T đối với bà Nguyễn Thị Phước L.

- Bà Nguyễn Thị Phước L phải chịu trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Kim T số tiền là 20.308.500 đồng (hai mươi triệu, ba trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Huỳnh Kim T được nhận 412.000 đồng (bốn trăm mười hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005063 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

+ Bà Nguyễn Thị Phước L phải chịu 1.015.000 đồng (một triệu không trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Châu Phú;
-Chi Cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, Vp./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Võ Việt Nam